

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ -ST

Ngày 01/3/2023.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;

2/. Bà D Thị Tú Phương.

- *T ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân – T ký Tòa án nhân dân huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P Long, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 336/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị N T A T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ấp P Thạnh, xã P Long, huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh N P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp Long Thành, thị trấn P Long, huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T và anh P mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị N T A T trình bày: Chị với anh N P làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2016, còn ngày tháng thì không nhớ, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P Long, huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh P có 01 người con chung tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày 14/10/2018, hiện đang sống với chị. Về tài sản chung, nợ chung chị và anh không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ chị, anh. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh N P, yêu cầu được tiếp tục nuôi người con tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày

14/10/2018, không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh N P trình bày: Anh với chị N T A T làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2016, còn ngày tháng thì không nhớ, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P Long, huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị có 01 người con tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày 14/10/2018, hiện đang sống với chị T. Về tài sản chung, nợ chung anh và chị T không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh, chị. Nay anh không đồng ý ly hôn với T, anh còn Tong vợ con; trong trường hợp Tòa án cho anh với T ly hôn thì anh đồng ý để con tên Nguyễn Ánh D cho T nuôi dưỡng, anh xin không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện P Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, T ký và các đương sự là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

- + Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh P.

- + Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao tiếp tục giao cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 14/10/2018 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

- + Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

- + Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016, chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N T A T khởi kiện anh N P về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu; Anh P cư trú tại ấp Long Thành, thị trấn P Long, huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện P Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Cả chị T và anh P đều thống nhất khai, chị và anh P làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2016, còn ngày tháng nào không nhớ, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P Long, huyện P Long, tỉnh Bạc Liêu. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh P, về phía anh P không đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị T và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị T, anh P và giấy khai sinh do chị T cung cấp cho Tòa án, trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh P sinh được 01 người con tên Nguyễn Ánh D, sinh ngày 14/10/2018, hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con; về phía anh P có ý kiến nếu Tòa án cho anh, chị ly hôn thì anh đồng ý để cho con chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh P, tiếp tục giao cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 14/10/2018 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Về cấp dưỡng do chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Anh P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của chị T, anh P thì anh, chị không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh và chị; Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị N T A T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N T A T; Cho chị N T A T được ly hôn với anh N P.

2/. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh P, tiếp tục giao cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 14/10/2018 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Về cấp dưỡng do chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Anh P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị N T A T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005449 ngày 24 tháng 10 năm 2022 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P Long. Anh N P không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày tòa tuyên án.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn